

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 21 tháng 5 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 96/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Chế Văn B, sinh năm: 1968; Nơi cư trú: ấp T Đ, xã T H, huyện P, tỉnh Bến Tre. Ủy quyền cho ông Thái Kim S, sinh năm: 1950; Nơi cư trú: Số 66, H K, k 4, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre tham gia tố tụng.

- **Bị đơn:** Bà Chế Thị X, sinh năm: 1973; Nơi cư trú: số nhà 226/4, ấp T Đ, xã T H, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Đỗ Thị P, sinh năm: 1964; Chị Chế Thị Thúy H, sinh năm: 1992; Chị Chế Thị Diễm T, sinh năm: 1999. Cùng nơi cư trú: ấp T Đ, xã T H, huyện P, tỉnh Bến Tre. Bà Đỗ Thị P, chị Chế Thị Thúy H và chị Chế Thị Diễm T cùng ủy quyền cho ông Thái Kim S tham gia tố tụng.

+ Anh Nguyễn Khánh T, sinh năm: 1999; Nơi cư trú: ấp T Đ, xã T H, huyện P, tỉnh Bến Tre. Ủy quyền cho bà Chế Thị X tham gia tố tụng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Chế Văn B cùng các thành viên trong hộ gia đình ông B là Đỗ Thị P, Chế Thị Thúy H và Chế Thị Diễm T đồng ý giao cho bà Chế Thị X được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 341m² thuộc một phần thửa số 92, tờ bản đồ số 19 (thửa cũ là 142, tờ bản đồ số 03), tọa lạc tại ấp T Đ, xã T H, huyện P, tỉnh Bến Tre cùng các tài sản tọa lạc trên đất. Bà Chế Thị X có nghĩa vụ trả cho ông Chế Văn B số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng), thời gian giao tiền vào ngày 21/10/2019 dương lịch.

Việc giao nhận tiền và làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất được thực hiện trong cùng một thời gian.

Vị trí thửa đất và độ dài tứ cận thể hiện trích đo địa chính khu đất kèm theo.

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý về đất đai để làm thủ tục đăng ký kê khai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Về lệ phí đo đạc, định giá tài sản: 1.558.000 đồng ông Ché Văn B đã tạm nộp (do bà Đỗ Thị P nộp thay). Các bên thống nhất mỗi người chịu $\frac{1}{2}$ số tiền. Bà Ché Thị X có nghĩa vụ trả cho ông Ché Văn B số tiền 779.000 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Ché Thị X chịu: 562.500 đồng (Năm trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0021651 ngày 22/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Bà X còn phải nộp thêm số tiền là 262.500 đồng (Hai trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Ông Ché Văn B chịu: 562.500 đồng (Năm trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.750.000 đồng theo biên lai thu số 0014272 ngày 02/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Ông B được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn lại số tiền 1.187.500 đồng (Một triệu một trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND H. Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Thủy Tiên